

BẢNG TỔNG HỢP**Kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB****Dự án: Nâng cấp Đường tỉnh 133 đoạn Km0-Km21 trên địa bàn huyện Tân Uyên***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của UBND huyện Tân Uyên)***Biểu số 02***ĐVT: Đồng*

TT	Nội dung chi	Giá trị thẩm định			Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5=3x4	6
I	Chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất, (thực hiện theo Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Lai Châu)			202.625.000	
01	Chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất			127.700.000	
-	Niêm yết công khai thông báo thu hồi đất và gửi thông báo thu hồi đất (4 ngày x 7 người)	10	200.000	2.000.000	
-	Chi tuyên truyền chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (họp thông báo thu hồi đất) 5 ngày x 9 người	35	200.000	7.000.000	7 người
-	Chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (53 ngày x 07 người)	371	200.000	74.200.000	
-	Chi kiểm kê (kiểm đếm) số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất (11 ngày x 6 người)	66	250.000	16.500.000	
-	Chi họp niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (2 ngày x 7 người)	14	200.000	2.800.000	
-	Chi họp kết thúc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (4 ngày x 7 người)	28	200.000	5.600.000	
-	Niêm yết và gửi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (4 ngày x 7 người)	28	200.000	5.600.000	
-	Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (10 ngày x 11 người)	70	200.000	14.000.000	7 người
02	Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện tại điểm g khoản 1 điều 4 Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu (Lao động hợp đồng)			17.000.000	

TT	Nội dung chi	Giá trị thẩm định			Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5=3x4	6
-	Niêm yết công khai thông báo thu hồi đất và gửi thông báo thu hồi đất (4 ngày x 1 người)	4	250.000	1.000.000	
-	Chi tuyên truyền chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (họp thông báo thu hồi đất) 6 ngày x 01 người	6	250.000	1.500.000	
-	Chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (25 ngày x 01 người)	25	250.000	6.250.000	
-	Chi kiểm kê (kiểm đếm) số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất (11 ngày x 01 người)	11	250.000	2.750.000	
-	Chi họp niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (4 ngày x 01 người)	4	250.000	1.000.000	
-	Chi họp kết thúc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (4 ngày x 01 người)	4	250.000	1.000.000	
-	Niêm yết và gửi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (4 ngày x 01 người)	4	250.000	1.000.000	
-	Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (10 ngày x 01 người)	10	250.000	2.500.000	
03	Văn phòng phẩm			27.050.000	
-	Kẹp màu 15mm	20	60.000	1.200.000	
-	Kẹp màu 25mm	20	75.000	1.500.000	
-	Kẹp màu 32mm	15	70.000	1.050.000	
-	Kẹp màu 41mm	15	75.000	1.125.000	
-	Kẹp màu 51mm	15	70.000	1.050.000	
-	Giấy in	50	95.000	4.750.000	
-	Túi cúc	100	10.000	1.000.000	
-	Bút bi	2	220.000	440.000	
-	Ghim A	30	10.000	300.000	
-	Con ghim 10	30	10.000	300.000	
-	Bìa Ngoại	2	85.000	170.000	
-	Bìa bóng kính	2	130.000	260.000	
-	Hộp dấu tròn	2	60.000	120.000	
-	Con ghim 24/15	25	95.000	2.375.000	

TT	Nội dung chi	Giá trị thẩm định			Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3x4</i>	<i>6</i>
-	Giấy nhó vàng	50	22.000	1.100.000	
-	Bút nước ngòi to	20	50.000	1.000.000	
-	Sổ giao án (kẻ ngang A4)	10	30.000	300.000	
-	Ruột bút ký nhật	5	350.000	1.750.000	
-	Cặp hộp cứng 5Cm	15	94.000	1.410.000	
-	Bút chì	5	10.000	50.000	
-	Kẹp màu 19mm	20	65.000	1.300.000	
-	Mực in	30	150.000	4.500.000	
04	Phô tô tài liệu, hồ sơ (30 hộ)			6.875.000	
-	Các văn bản pháp lý của công trình, dự án	2.500	500	1.250.000	
-	Biên bản họp (Thông báo, niêm yết, kết thúc niêm yết)	1.500	500	750.000	
-	Phô tô tài liệu quy định về chế độ, chính sách BTHT giải phóng mặt bằng, kế hoạch thực hiện CT	1.500	500	750.000	
-	Hồ sơ kê khai, kiểm đếm của các hộ gia đình (30 hộ x 10 tờ/hộ x 6 bộ)	1.800	500	900.000	
-	Tờ trình phê duyệt phương án	150	500	75.000	
-	Thông báo thu hồi đất	150	500	75.000	
-	Quyết định thu hồi đất (30 hộ x 2 tờ x 6 bộ)	360	500	180.000	
-	Quyết định phê duyệt phương án	750	500	375.000	
-	Quyết định bồi thường (30 hộ x 3 tờ x 6 bộ)	540	500	270.000	
-	Chứng từ quyết toán chi phí tổ chức thực hiện	2.500	300	750.000	
-	Hồ sơ lưu của các cơ quan, đơn vị (TTPTQĐ, chủ đầu tư, Phòng TNMT....)	3.000	500	1.500.000	
05	Thuê trang thiết bị làm việc (máy tính) thực hiện theo Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022; (1 máy x 1.200.000 đ/tháng x 20 tháng)	20	1.200.000	24.000.000	
II	Chi phí cho hội đồng thẩm định			48.000.000	
1	Chi phí thẩm định, phê duyệt phương án (Phòng Tài nguyên và Môi trường)	70	200.000	14.000.000	
2	Chi phí thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Phòng Tài chính - kế hoạch)	40	200.000	8.000.000	

TT	Nội dung chi	Giá trị thẩm định			Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5=3x4	6
3	Chi phí thẩm định giá năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi (Phòng NN&PTNT)	30	200.000	6.000.000	
4	Chi phí thẩm định giá nhà ở tài sản vật kiến trúc (Phòng KTHT)	50	200.000	10.000.000	
5	Chi phí thẩm tra quyết toán tổ chức thực hiện hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Phòng Tài chính - Kế hoạch)			10.000.000	
Tổng dự toán				250.625.000	